

Số: 120 /2019/QĐST-
HNGĐ

Bố Trạch, ngày 31 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Q;

Bị đơn: Anh Lê Chí H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 23 tháng 7 năm 2019, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 23 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Lê Chí H;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh H và chị N thỏa thuận thống nhất giao con chung Lê Gia B, sinh ngày 19/02/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp phí tồn nuôi con.

Cấm chị N ngăn cản anh H quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

* Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh H thỏa thuận thống nhất tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo biên bản thỏa thuận tự phân chia tài sản giữa chị N và anh H ngày 01/7/2019 thì hai bên thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn giao tài sản chung của vợ chồng là 01 chiếc ô tô hiệu MAZDA BT 50 biển kiểm soát 73C-082.55, trị giá 720.000.000đ cho anh H quản lý và sử dụng, nhưng anh H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank).

*Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí vụ kiện ly hôn 150.000đ(một trăm năm mươi nghìn đồng) chị N thỏa thuận nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0003178 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị N được nhận lại 150.000đ(một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện BồTrách(2 bản);
- Anh Lê Chí H;
- Chị Phạm Thị Hồng N;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bồ Trách;
- UBND xã V(Để biết);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân